

VĂN BẢN ĐIỆN TỬ

Số 3722 Ngày 26/05/2021

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 791 /QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 25 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án phát triển Văn phòng thừa phát lại
trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2020 của
Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại;*

*Căn cứ Quyết định số 490/QĐ-BTP ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Bộ Tư
pháp về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 08/2020/NĐ-
CP ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của
Thừa phát lại;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án phát triển Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (B/c);
- TT.Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh (B/c);
- Ban Chỉ đạo CCTP tỉnh (B/c);
- LĐ UBND tỉnh;
- UB MTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Cục THADS;
- Lưu: VT, NC_(LTT)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô

ĐỀ ÁN

Phát triển Văn phòng thừa phát lại trên địa bàn tỉnh Điện Biên
(Kèm theo Quyết định số 791/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

PHẦN I**SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN****1. Cơ sở lý luận**

Chế định Thừa phát lại đã được hình thành và phát triển từ khá lâu trên thế giới. Ở Việt Nam, chế định này đã tồn tại từ thời kỳ phong kiến nhưng chính thức được thừa nhận từ thời Pháp thuộc. Tuy nhiên, từ khi có Sắc lệnh số 85/SL ngày 22/5/1950 về cải cách bộ máy tư pháp, luật tố tụng và vì nhiều lý do khác nhau mà sau năm 1950 (ở miền Bắc) và sau năm 1975 (ở miền Nam), Nhà nước ta không tiếp tục duy trì chế định này.

Ngày 02/6/2005, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 49-NQ/TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã xác định: “Nghiên cứu thực hiện và phát triển các loại hình dịch vụ từ phía Nhà nước để tạo điều kiện cho các đương sự chủ động thu thập chứng cứ chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình... từng bước thực hiện việc xã hội hóa và quy định những hình thức, thủ tục để giao cho tổ chức không phải là cơ quan nhà nước thực hiện một số công việc thi hành án”; “Nghiên cứu chế định Thừa phát lại (Thừa hành viên); trước mắt có thể tổ chức thí điểm tại một số địa phương, sau vài năm, trên cơ sở tổng kết, đánh giá thực tiễn sẽ có bước đi tiếp theo”.

Kế hoạch số 05-KH/CCTP ngày 22/02/2006 của Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương đã xác định rõ nhiệm vụ của công tác xã hội hóa trong lĩnh vực thi hành án dân sự đó là “Nghiên cứu mô hình tổ chức Thừa phát lại, trước mắt tổ chức thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh”.

Chế định Thừa phát lại ở nước ta thể hiện quyết tâm của Đảng và Nhà nước ta trong việc cải cách tư pháp, xã hội hóa một số hoạt động của cơ quan nhà nước nhằm huy động nguồn lực xã hội tham gia thực hiện các hoạt động của Nhà nước, tăng cường năng lực, hiệu quả của các cơ quan tiến hành tố tụng, đáp ứng nhu cầu bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

2. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014;

- Nghị quyết số 107/2015/QH13 ngày 26/11/2015 của Quốc hội về thực hiện chế định Thừa phát lại;

- Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;

- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại;

- Quyết định số 510/QĐ-TTg ngày 25/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tiếp tục thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại”;

- Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 14/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 107/2015/QH13 ngày 26/11/2015 của Quốc hội về thực hiện chế định Thừa phát lại;

- Thông tư liên tịch số 03/2014/TTLT-BTP-NHNNVN ngày 17/01/2014 của Bộ Tư pháp, Ngân hàng nhà nước Việt Nam hướng dẫn về việc xác minh điều kiện thi hành án của Thừa phát lại tại các tổ chức tín dụng;

- Thông tư liên tịch số 09/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BTC ngày 28/02/2014 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại theo Nghị quyết số 36/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội;

- Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 01/8/2016 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quy định một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự;

- Thông tư số 12/2014/TT-BTP ngày 26/04/2014 của Bộ Tư pháp quy định về mẫu, nguyên tắc sử dụng trang phục, nguyên tắc cấp phát, sử dụng thẻ Thừa phát lại;

- Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề Thừa phát lại; phí thẩm định điều kiện thành lập, hoạt động Văn phòng Thừa phát lại.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội liên quan đến hoạt động Thừa phát lại

a) Đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh

Điện Biên là tỉnh miền núi, biên giới nằm ở phía Tây Bắc của Tổ quốc, có tổng diện tích tự nhiên 9.541,25 km²; có đường biên giới với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào dài 414,712 km; đường biên giới tiếp giáp với nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa dài 40,861 km. Tỉnh có 10 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm 01 thành phố, 01 thị xã và 08 huyện với 129 xã, phường, thị trấn. Dân số của tỉnh trên 60 vạn người, có 19 dân tộc, trong đó dân tộc Mông chiếm 38,12%, dân tộc Thái chiếm 35,69%, dân tộc Kinh chiếm 17,38%, dân tộc Khơ Mú chiếm 3,3%, còn lại là các dân tộc khác; người dân tộc thiểu số chiếm trên 80% dân số trong tỉnh, các dân tộc sinh sống đan xen đã góp phần hình thành nên những bản sắc văn hóa đặc trưng của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh luôn nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước cùng với sự đoàn kết, đồng tình của đồng bào các dân tộc; tranh thủ, tận dụng mọi thời cơ, nguồn lực, khai thác tiềm năng để từng bước phát triển về mọi mặt; đảm bảo giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh và duy trì tăng trưởng kinh tế luôn ở mức khá. Các mặt văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân ngày càng được nâng lên; khối đại đoàn kết dân tộc ngày càng được củng cố.

Bên cạnh đó, điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn như: còn 101 xã và 1.146 thôn, bản đặc biệt khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo cao, chiếm 29,93% tổng số hộ dân cư; địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn; trình độ nhận thức và ý thức pháp luật của người dân hạn chế, còn một số hủ tục lạc hậu chậm được khắc phục; đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn; tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế của tỉnh còn thấp, kết cấu hạ tầng còn thiếu đồng bộ chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển; chất lượng nguồn nhân lực còn chưa tương xứng yêu cầu nhiệm vụ; các thế lực thù địch tiếp tục lợi dụng khó khăn của tỉnh để thực hiện âm mưu diễn biến hoà bình chống phá trên nhiều mặt; hoạt động tuyên truyền đạo trái pháp luật, di cư tự do, xuất, nhập cảnh trái phép vẫn tồn tại; các loại tội phạm hình sự, kinh tế, ma túy và tội phạm công nghệ cao vẫn diễn biến phức tạp; dịch bệnh covid-19 diễn biến khó lường đã tác động ảnh hưởng trực tiếp đến việc chỉ đạo, triển khai và thực hiện các hoạt động cải cách tư pháp trên địa bàn tỉnh.

b) Đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội của các huyện, thị xã, thành phố dự kiến phát triển Văn phòng Thừa phát lại

- Thành phố Điện Biên Phủ:

Thành phố Điện Biên Phủ với tổng diện tích 30.820,65ha, dân số 80.366 người, mật độ 261 người/km²; có 12 đơn vị hành chính, gồm 7 phường, 5 xã; đang tiếp tục đầu tư xây dựng đô thị, phấn đấu xây dựng thành phố cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại II vào năm 2025.

Số lượng vụ việc thụ lý của Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ (bao gồm số lượng vụ việc của Tòa án và Thi hành án dân sự của thành phố Điện Biên Phủ và của Tòa án và Thi hành án dân sự cấp tỉnh) bình quân trong 5 năm khoảng 2.500 việc/năm chiếm khoảng 28% số vụ việc thụ lý trên toàn tỉnh.

- Huyện Điện Biên:

Có tổng diện tích tự nhiên 139.596,31 ha, có 21 đơn vị hành chính xã, với 275 thôn, bản; dân số trên 100.000 người gồm 08 dân tộc (Thái, Kinh, Mông, Khơ Mú, Lào và các dân tộc khác). Huyện có đường biên giới giáp nước bạn Lào dài 171,202 km; có cửa khẩu Quốc tế Tây trang, cửa khẩu Quốc gia Huổi Puốc và một số đường tiểu mạch sang Lào, mật độ dân số đạt 67 người/km².

Số lượng vụ việc thụ lý của Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự trên địa bàn huyện Điện Biên bình quân trong 5 năm (2016-2020) khoảng 1.200 việc/năm chiếm khoảng 13% số vụ việc thụ lý trên toàn tỉnh.

- Huyện Tuần Giáo:

Là huyện cửa ngõ phía đông của tỉnh Điện Biên, có tổng diện tích tự nhiên là 113.542,25 ha, gồm 19 xã; 09 dân tộc sinh sống; dân số 77.400 người, mật độ dân số 62 người/km².

Số lượng vụ việc thụ lý của Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự trên địa bàn huyện Tuần Giáo bình quân trong 5 năm (2016-2020) khoảng 800 việc/năm chiếm khoảng trên 10% số vụ việc thụ lý trên toàn tỉnh.

- Thị xã Mường Lay:

Nằm ở phía bắc tỉnh Điện Biên, cách thành phố Điện Biên Phủ 103 km, có 11.266,56 ha diện tích tự nhiên, dân số hơn 1 vạn người.

Số lượng vụ việc thụ lý của Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự trên địa bàn thị xã bình quân trong 5 năm (2016-2020) chiếm khoảng trên 6% số vụ việc thụ lý trên toàn tỉnh.

+ Tại các huyện Mường Ảng, Tủa Chùa, Mường Chà, Mường Nhé, Nậm Pồ, Điện Biên Đông: Số lượng vụ việc thụ lý của Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự bình quân trong 5 năm (2016 - 2020) chiếm khoảng trên 43% số vụ việc thụ lý trên toàn tỉnh.

2.2. Hoạt động tổng đạt các loại giấy tờ, hồ sơ, tài liệu của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh

Giai đoạn 2016 - 2020, số lượng vụ án, vụ việc dân sự, kinh tế, hôn nhân và gia đình, hành chính, lao động do Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân,

Cơ quan Thi hành án dân sự hai cấp trên địa bàn tỉnh thụ lý giải quyết ngày càng tăng, quy mô ngày càng lớn.

Quy định của pháp luật và thực tiễn hoạt động tố tụng cho thấy, thủ tục giải quyết một vụ án, các cơ quan tiến hành tố tụng và thi hành án phải thực hiện tổng đạt trung bình khoảng 15 loại giấy tờ, văn bản như: Thông báo thụ lý vụ kiện, giấy mời lấy lời khai, thông báo hòa giải, quyết định khẩn cấp tạm thời, thông báo đo đạc, thẩm định, giấy triệu tập đương sự, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định, bản án, thông báo kê biên tài sản, định giá tài sản... Hiện nay, nhu cầu tổng đạt giấy tờ của các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát, Thi hành án dân sự hai cấp trên địa bàn tỉnh trung bình khoảng 100.000 văn bản/năm.

- Ngành Tòa án: Giai đoạn 2016 - 2020, nhu cầu tổng đạt giấy tờ của cơ quan Tòa án các cấp trên địa bàn tỉnh trung bình khoảng 91.000 văn bản/năm.

- Ngành kiểm sát: Giai đoạn 2016 - 2020, ngành kiểm sát hai cấp đã thụ lý, giải quyết trung bình trên 3.600 vụ việc/năm; tổng đạt khoảng 1.000 giấy tờ, văn bản/năm.

- Cơ quan Thi hành án dân sự: Giai đoạn 2016 - 2020, các cơ quan Thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh thụ lý, giải quyết trung bình khoảng 3.650 việc/năm; tổng đạt khoảng hơn 6.500 văn bản, giấy tờ/năm.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ việc, Chấp hành viên phải tổng đạt ít nhất 04 loại giấy tờ, như: Giấy mời, quyết định thi hành án (lập biên bản khi tổng đạt), thông báo kê biên tài sản, định giá tài sản. Trường hợp thi hành cưỡng chế thường có 15 loại giấy tờ và cả các vụ việc xác minh điều kiện thi hành án.

Việc tổng đạt giấy tờ, văn bản có liên quan đến việc xét xử và thi hành án có ý nghĩa rất quan trọng, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên theo quy định của pháp luật. Hiện nay, việc tổng đạt giấy tờ, văn bản có liên quan đến việc xét xử và thi hành án gặp nhiều khó khăn do đội ngũ công chức của cơ quan Tòa án, Thi hành án dân sự khá mỏng lại thực hiện nhiều công việc khác nên ảnh hưởng đến thời hạn, thời gian tổng đạt giấy tờ, thi hành án của các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, cần thiết phát triển Thừa phát lại để thực hiện tổng đạt giấy tờ, văn bản đảm bảo yêu cầu của thủ tục tố tụng và giảm tải cho các cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan Thi hành án dân sự.

2.3. Nhu cầu lập và sử dụng vi bằng tại cơ quan tố tụng

Nhu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ của các tổ chức, cá nhân tại cơ quan tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 ngày càng tăng trong khi nhận thức, hiểu biết về pháp luật còn hạn chế ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ giải quyết vụ việc, vụ án của cơ quan tiến hành tố tụng.

Việc thu thập và xuất trình chứng cứ chứng minh tại Tòa án của cá nhân, tổ chức có thể thu thập, xác lập chứng cứ đảm bảo giá trị pháp lý, độ tin cậy và tính chính xác để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp khó khăn.

Quy định về việc xác lập chứng cứ chứng minh thông qua hoạt động lập vi bằng của Thừa phát lại sẽ góp phần giúp các bên thực hiện quyền được xác lập chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình về dân sự, kinh doanh thương mại, hành chính, lao động; nguồn cung cấp chứng cứ trong hoạt động tố tụng tại Tòa án.

Từ kết quả thực tiễn xây dựng và phát triển chế định Thừa phát lại thời gian qua có thể thấy việc lập vi bằng và coi vi bằng là nguồn chứng cứ đã có tác động lớn đến đời sống dân sự, giúp người dân có thêm nguồn chứng cứ để bảo vệ quyền dân sự của mình. Cùng với đó, việc lập vi bằng góp phần đáng kể trong việc ngăn ngừa và giảm tải các vụ việc khiếu kiện không đáng có giữa các tổ chức với tổ chức, giữa tổ chức với cá nhân và ngược lại; là hướng đi đúng đắn trong cải cách tư pháp theo chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong quá trình đổi mới, phát triển đất nước.

PHẦN II

QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Quan điểm

- Tổ chức thực hiện chế định Thừa phát lại phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý thống nhất của Nhà nước, bảo đảm sự ổn định chính trị, bản chất Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

- Phát huy vai trò và tích cực vận động nguồn lực của toàn xã hội trong quá trình thực hiện, tạo môi trường thuận lợi cho việc xã hội hóa hoạt động Thừa phát lại trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, chịu sự quản lý của Nhà nước, đặt dưới sự giám sát của Nhân dân; sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Nhà nước trong hoạt động Thừa phát lại.

2. Mục tiêu

- Đảm bảo tổ chức thực hiện chế định Thừa phát lại đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; việc phát triển, thành lập Văn phòng Thừa phát lại theo định hướng của Chính phủ và có giải pháp thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

- Huy động các nguồn lực xã hội tham gia hoạt động Thừa phát lại nhằm giảm hỗ trợ tích cực cho các cơ quan tư pháp trong tiến hành hoạt động tố tụng,

giảm áp lực công việc, giảm chi tiêu ngân sách và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp mà trực tiếp là Tòa án và cơ quan thi hành án dân sự các cấp trên địa bàn tỉnh.

- Tạo điều kiện cho đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành án có thêm công cụ hỗ trợ tích cực để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong quá trình tổ chức thi hành án.

- Việc xây dựng và cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại phải căn cứ vào các tiêu chí quy định tại Điều 21 của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP. Phát triển, thành lập không quá 11 (mười một) Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh. Theo đó, phân bổ, thành lập không quá 02 Văn phòng Thừa phát lại tại địa bàn thành phố Điện Biên Phủ, các huyện, thị xã còn lại mỗi huyện không quá 01 Văn phòng Thừa phát lại.

PHẦN III

NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Trên cơ sở căn cứ điều kiện về kinh tế - xã hội của địa bàn cấp huyện nơi dự kiến thành lập Văn phòng Thừa phát lại; số lượng vụ việc thụ lý của Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan thi hành án dân sự ở địa bàn cấp huyện nơi dự kiến thành lập Văn phòng Thừa phát lại; mật độ dân cư và nhu cầu của người dân ở địa bàn cấp huyện nơi dự kiến thành lập Văn phòng Thừa phát lại theo quy định của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP.

2. Phát triển, nâng cao chất lượng hoạt động của các Văn phòng Thừa phát lại, tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Đề án; tiến tới thực hiện chủ trương phát triển, thành lập Văn phòng Thừa phát lại đủ về số lượng theo định hướng tại Điều 21 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP để đáp ứng nhu cầu của Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

3. Lộ trình thực hiện

3.1. Giai đoạn năm 2021 - 2026

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về chế định Thừa phát lại, về tổ chức và hoạt động Thừa phát lại để người dân, doanh nghiệp hiểu về hoạt động của Thừa phát lại, thấy được vai trò và sự cần thiết của tổ chức này trong thực tiễn đời sống pháp lý, nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân về hoạt động Thừa phát lại. Thực hiện thẩm định hồ sơ đề nghị Bộ Tư pháp bổ nhiệm Thừa phát lại.

- Phát triển Văn phòng Thừa phát lại tại một số địa bàn trong tỉnh dựa trên kết quả thi hành án dân sự và thụ lý giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân cấp huyện. Căn cứ kết quả công tác thi hành án dân sự và công tác xét xử đã nêu trên, đồng thời, theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP: “*Thừa phát lại được lập vì bằng ghi nhận các sự kiện, hành vi có thật theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi toàn quốc...*”; trước mắt trong giai đoạn năm 2020 - 2025 dự kiến phát triển, thành lập 05 Văn phòng Thừa phát lại trở lên tại các địa bàn như sau:

- + Thành phố Điện Biên Phủ: 02 Văn phòng Thừa phát lại;
- + Huyện Tuần Giáo: 01 Văn phòng Thừa phát lại;
- + Huyện Điện Biên: 01 Văn phòng Thừa phát lại;
- + Huyện Mường Ảng: 01 Văn phòng Thừa phát lại;
- + Các huyện còn lại: Căn cứ vào điều kiện và nhu cầu thực tế để xem xét cho thành lập Văn phòng Thừa phát lại.

- Tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án giai đoạn 2021 - 2025 và đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung Đề án phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn (*nếu có*).

3.2. Giai đoạn 2026 - 2030

- Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước đối với hoạt động Thừa phát lại; tiếp tục duy trì, ổn định các Văn phòng Thừa phát lại đã thành lập; củng cố, phát triển Văn phòng Thừa phát lại theo định hướng phân bố hợp lý từng địa bàn phù hợp với tiêu chí, định hướng phát triển của Chính phủ.

- Tiếp tục phát triển, cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại theo nhu cầu thực tiễn của các địa phương. Thực hiện thông báo tiếp nhận hồ sơ thành lập Văn phòng Thừa phát lại, phấn đấu phát triển đủ về số lượng Văn phòng Thừa phát lại, đảm bảo mỗi huyện trên địa bàn tỉnh đều có Văn phòng Thừa phát lại theo tiêu chí và định hướng của Chính phủ, phấn đấu có 11 Văn phòng Thừa phát lại tại địa bàn 10 huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh theo Đề án đã đề ra.

4. Nguyên tắc hoạt động của Thừa phát lại

Văn phòng Thừa phát lại hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính quy định tại Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ:

- Văn phòng Thừa phát lại có trụ sở, con dấu và tài khoản riêng; con dấu của Văn phòng Thừa phát lại không có hình quốc huy. Văn phòng Thừa phát lại được khắc và sử dụng con dấu sau khi được cấp Giấy đăng ký hoạt động. Thủ

tục, hồ sơ đăng ký mẫu con dấu, việc quản lý, sử dụng con dấu của Văn phòng Thừa phát lại được thực hiện theo quy định của pháp luật về con dấu.

- Chế độ tài chính của Văn phòng Thừa phát lại được thực hiện theo chế độ tài chính của loại hình doanh nghiệp tương ứng theo quy định của pháp luật.

- Văn phòng Thừa phát lại không được mở chi nhánh, văn phòng đại diện, cơ sở, địa điểm giao dịch ngoài trụ sở của Văn phòng Thừa phát lại; không được thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngoài phạm vi hoạt động của Thừa phát lại theo quy định tại Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ.

PHẦN IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh

- Chỉ đạo Tòa án nhân dân cấp huyện và các đơn vị trực thuộc hỗ trợ hoạt động Văn phòng Thừa phát lại.

- Thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu và chuyển giao các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho Văn phòng Thừa phát lại; hướng dẫn nghiệp vụ tổng đạt cho Thừa phát lại và Thư ký Thừa phát lại; hướng dẫn đương sự sử dụng dịch vụ Thừa phát lại.

- Chỉ đạo Tòa án nhân dân cấp huyện thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu và chuyển giao các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho Văn phòng Thừa phát lại; hướng dẫn nghiệp vụ tổng đạt cho Thừa phát lại và Thư ký Thừa phát lại; hướng dẫn đương sự sử dụng dịch vụ Thừa phát lại.

2. Đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh

- Kiểm sát hoạt động của Thừa phát lại; thông tin cho Sở Tư pháp việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tổng đạt các văn bản của Tòa án, các văn bản về thi hành án và trong hoạt động thi hành án của Thừa phát lại (nếu có)

- Chỉ đạo Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện và các đơn vị trực thuộc phối hợp, hỗ trợ cho hoạt động Thừa phát lại.

- Thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu và chuyển giao các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho Văn phòng Thừa phát lại; hướng dẫn nghiệp vụ tổng đạt cho Thừa phát lại và Thư ký Thừa phát lại; hướng dẫn đương sự sử dụng dịch vụ Thừa phát lại.

- Chỉ đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện ký kết hợp đồng dịch vụ tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu và chuyển giao các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho Thừa phát lại và Thư ký Thừa phát lại; hướng dẫn nghiệp vụ tổng đạt cho Thừa phát lại và Thư ký Thừa phát lại; hướng dẫn đương sự sử dụng dịch vụ Thừa phát lại.

3. Cục Thi hành án dân sự

Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 60 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP như sau:

- Thực hiện và chỉ đạo Chi cục Thi hành án dân sự các huyện, thị xã, thành phố phối hợp, hỗ trợ Văn phòng Thừa phát lại trong việc tổ chức thi hành bản án, quyết định của Tòa án; Thông báo các văn bản về thi hành án theo quy định Nghị định số 08/2020/NĐ-CP; phối hợp, hỗ trợ Văn phòng Thừa phát lại trong việc xác minh điều kiện thi hành án và thanh toán tiền thi hành án theo quy định.

- Thực hiện và chỉ đạo Chi cục Thi hành án dân sự các huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở thỏa thuận với Thừa phát lại thực hiện chuyển giao việc tổng đạt văn bản của Tòa án nhân dân, cơ quan Thi hành án dân sự theo quy định tại Nghị định số 08/2020/NĐ-CP.

- Phối hợp với Sở Tư pháp trong việc xây dựng dự toán kinh phí tổng đạt của cơ quan thi hành án dân sự tại địa phương gửi Tổng cục Thi hành án dân sự - Bộ Tư pháp xem xét, quyết định.

4. Công an tỉnh

- Phối hợp với Sở Tư pháp tăng cường tuyên truyền về chế định Thừa phát lại; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc hỗ trợ và thực hiện các yêu cầu của Thừa phát lại theo quy định của Luật Thi hành án dân sự, Nghị định số 08/2020/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

- Chỉ đạo Công an cấp huyện, cấp xã phối hợp, hỗ trợ cho Thừa phát lại tổ chức bảo vệ cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Khoản 4, Điều 72 Luật Thi hành án dân sự, Nghị định số 08/2020/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

- Chỉ đạo Trại tạm giam, Nhà tạm giữ phối hợp, hỗ trợ cho Thừa phát lại thực hiện công việc về thi hành án dân sự theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự và quy định pháp luật liên quan.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, số liệu về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả thông tin về giao dịch bảo đảm) phục vụ cho việc xác minh điều

kiện thi hành án theo yêu cầu của Thừa phát lại tương tự như cung cấp thông tin cho Chấp hành viên và phối hợp, hỗ trợ cho Thừa phát lại thực hiện công việc về thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 178 Luật Thi hành án dân sự và quy định pháp luật có liên quan.

6. Sở Giao thông vận tải

Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, số liệu về đăng ký phương tiện thủy nội địa, xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ phục vụ cho việc xác minh điều kiện thi hành án theo yêu cầu của Thừa phát lại tương tự như cung cấp thông tin cho Chấp hành viên và phối hợp, hỗ trợ cho Thừa phát lại thực hiện công việc về thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 178 Luật Thi hành án dân sự và quy định pháp luật liên quan.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Định hướng các cơ quan báo chí, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện việc đưa tin, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về chế định Thừa phát lại, dành thời lượng thích hợp để tuyên truyền phổ biến trên các chuyên trang, chuyên mục pháp luật về nội dung của các văn bản pháp luật liên quan đến Thừa phát lại.

8. Báo Điện Biên phủ, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Phối hợp với Sở Tư pháp tăng cường công tác tuyên truyền, các văn bản pháp luật của Nhà nước về Thừa phát lại trên các chuyên trang, chuyên mục về pháp luật; theo dõi và đưa tin thường xuyên về hoạt động của Thừa phát lại để Nhân dân và các tổ chức nắm bắt, thực hiện.

9. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Điện Biên

- Chỉ đạo các chi nhánh tổ chức tín dụng trên địa bàn phối hợp, cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, hỗ trợ cho Thừa phát lại thực hiện các công việc về thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 176 Luật Thi hành án dân sự và quy định pháp luật có liên quan.

- Phối hợp với Sở Tư pháp công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chế định Thừa phát lại đến các chi nhánh tổ chức tín dụng trên địa bàn.

10. Kho bạc Nhà nước tỉnh

Thực hiện và chỉ đạo Kho bạc Nhà nước các huyện, thị xã, thành phố phối hợp, hỗ trợ cho Thừa phát lại thực hiện công việc về thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 176 Luật Thi hành án dân sự và quy định pháp luật có liên quan.

11. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Thực hiện và chỉ đạo Bảo hiểm xã hội các huyện, thị xã, thành phố phối hợp, hỗ trợ cho Thừa phát lại thực hiện công việc về thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 177 Luật Thi hành án dân sự và quy định pháp luật có liên quan.

12. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc phối hợp, hỗ trợ cho hoạt động Thừa phát lại trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn phối hợp, hỗ trợ cho Thừa phát lại thực hiện công việc về thi hành án dân sự quy định tại Điều 175 và Điều 180 Luật Thi hành án dân sự và quy định pháp luật có liên quan; thực hiện việc tổng đạt văn bản của Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng và quy định pháp luật có liên quan.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, số liệu về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả thông tin về giao dịch bảo đảm) phục vụ cho việc xác minh điều kiện thi hành án theo yêu cầu của Thừa phát lại tương tự như cung cấp thông tin cho Chấp hành viên và phối hợp, hỗ trợ cho Thừa phát lại thực hiện công việc về thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 178 Luật Thi hành án dân sự và quy định pháp luật có liên quan.

13. Sở Tư pháp

- Chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Công an tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan khác triển khai thực hiện hiệu quả Đề án.

- Giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý Nhà nước về Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh theo quy định Nghị định số 08/2020/NĐ-CP và các văn bản liên quan.

- Thông báo Đề án và số lượng phát triển Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh sau khi UBND tỉnh phê duyệt.

- Căn cứ nhu cầu phát triển của từng giai đoạn tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định cho thành lập Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu, giúp UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án; định kỳ báo cáo Bộ Tư pháp và UBND tỉnh theo quy định

Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương liên hệ Sở Tư pháp để được hướng dẫn, giải đáp hoặc tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết.